

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 12
(Tên cơ sở giáo dục): TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN NINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	3123	964	733	537	889
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2960/3123 (94.8%)	923/964 (95.7%)	691/733 (94.3%)	511/537 (95.2%)	835/899 (94%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	163/3123 (5.2%)	41/964 (4.3%)	42/733 (5.7%)	26/537 (4.8%)	54/889 (6%)
3	Trung bình - Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	3123	964	733	537	889
1	Giỏi – Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1171/3123 (37.5%)	367/964 (38.1%)	308/733 (42%)	232/537 (43.2%)	264/889 (29.7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1178/3123 (37.7%)	392/964 (40.7%)	249/733 (34%)	185/537 (34.5%)	352/889 (39.6%)
3	Trung bình – Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	697/3123 (22.3%)	171/964 (17.7%)	145/733 (19.8%)	108/537 (20.1%)	273/889 (30.7%)
4	Yếu - Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	77/3123 (2.5%)	34/964 (3.5%)	31/733 (4.2%)	12/537 (2.2%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3109/3123 (99.6%)	955/964 (99.1%)	728/733 (99.3%)	537/537 (100%)	889/889 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	319/2234 (14.3%)	108/964 (11.2%)	119/733 (16.2%)	92/537 (17.1%)	
b	Học sinh giỏi/tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1171/3123 (37.5%)	367/964 (38.1)	308/733 (42%)	232/537 (43.2%)	264/889 (29.7%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	352/889 (39.6%)				352/889 (39.6%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	77/3123 (2.5%)	34/964 (3.5%)	31/733 (4.2%)	12/537 (2.2%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	13/3123 (0.4%)	9/964 (0.9%)	5/733 (0.7%)	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	103/3123	26/964	30/733	25/537	22/889

	(tỷ lệ so với tổng số)	(3.3%)	(2.7%)	(4.1)	(4.7%)	(2.5%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	44/3123 (1.4%)	6/964 (0.6%)	9/733 (1.2%)	12/537 (2.2%)	17/889 (1.9%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	26				24
2	Cấp tỉnh/thành phố	14				14
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					889
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					889
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					264/889 (29.7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					325/889 (39.6%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					273/889 (30.7%)
VII	Số học sinh thi đỗ THPT (tỷ lệ so với tổng số)					493/765 (64.4%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1639/1484	516/448	376/357	287/250	460/429
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	51	14	15	8	14

Quận 12, ngày 08 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Minh Triết